


MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ NỘI DUNG TÍCH HỢP QUY HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH NAM ĐỊNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

 TS. VŨ QUỐC ĐẠT
Trưởng phòng QL Khoa học

1. Mở đầu

Ngày 28/12/2023 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1729/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có tích hợp nội dung quy hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST). Trong nội dung tích hợp quy hoạch này, lĩnh vực KH,CN &ĐMST có đề cập tới nhiều vấn đề trong đó có những vấn đề quan trọng như: Phương án phát triển lĩnh vực KH,CN&ĐMST thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề xuất các lĩnh vực KH,CN&ĐMST cần tập trung nghiên cứu giải quyết theo yêu cầu thực tiễn của tỉnh,....

Để thực hiện tốt các nội dung này theo tôi cần phải thực hiện tốt các giải pháp:

2. Một số giải pháp thực hiện quy hoạch KH,CN&ĐMST thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực KH&CN

- Xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ nhân lực KH&CN có cơ cấu trình độ, chuyên môn phù hợp với các hướng KH&CN



Hội nghị kết nối kinh doanh cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

ưu tiên, những ngành, lĩnh vực chủ lực, nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển KT-XH của tỉnh.

- Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đào tạo, nâng cao trình độ công nghệ của nhân lực KH&CN đang làm việc tại doanh nghiệp để có năng lực tiếp nhận, làm chủ, thích nghi, cải tiến và sáng tạo công nghệ mới tại cơ sở.

- Đẩy mạnh việc thu hút các chuyên gia, nhân lực KH&CN trình độ cao làm việc tại các cơ sở KH&CN, doanh nghiệp của tỉnh; Tập trung phát triển, nâng cao trình độ của nhân lực làm KH&CN, quản trị công nghệ, sở hữu trí tuệ; chuyên gia năng suất.

Trong ngắn hạn, giải pháp hiệu quả để phát triển nguồn nhân lực KH&CN chính là tuyển dụng đội ngũ cán bộ, chuyên gia đang học tập và làm việc ở trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên trên thực tế, hầu hết việc thu hút và sử dụng nguồn nhân lực KH&CN chủ yếu được thực hiện ở khối các doanh nghiệp, trong khi các tổ chức KH&CN công lập muốn thực hiện thì đòi hỏi phải có sự kết hợp giữa cả nhà nước và doanh nghiệp.

Để làm được điều này, tỉnh cần xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý, từ hệ thống tiền lương, thưởng, phụ cấp và các đãi ngộ phi vật chất khác.

Kết nối, thu hút, trọng dụng lực lượng chuyên gia là người con quê hương Nam Định có chuyên môn về KH&CN đang làm việc cho các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước hoặc đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài bằng các hình thức hợp tác, liên kết sẽ mang lại hiệu quả cao và tiết kiệm được chi phí. Việc tận dụng nguồn lực ở các khu vực này sẽ giảm gánh nặng biên chế cho ngân sách nhà nước, đồng thời vẫn phát huy được nguồn nhân lực chất lượng cao cho các công việc cần thiết của khu vực công.

2.2. Nhóm giải pháp về quản lý KH&CN đáp ứng yêu cầu thực tiễn của tỉnh

- Đẩy mạnh nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, ban, ngành, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, nhất là người đứng đầu về vị trí, vai trò của KH, CN & ĐMST trong chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Đẩy mạnh cơ chế liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa tỉnh với các tổ chức KH&CN của Trung ương, của địa phương trong vùng; triển khai cơ chế liên kết, hợp tác viện, trường và doanh nghiệp để triển khai hoạt động KH, CN & ĐMST của tỉnh, doanh nghiệp.

- Lồng ghép, kết hợp với các Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình nông thôn, miền núi... và các chương trình khác của Bộ KH&CN; vốn khuyến công, khuyến nông đầu tư, tài trợ cho hoạt động KH&CN của tỉnh (phổ biến, chuyển giao công nghệ, nhân rộng mô hình,...).

- Tăng cường năng lực quản lý của các đơn vị trong Sở KH&CN nhằm quản lý và triển khai có hiệu quả công tác: Đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp; nâng

cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Sở hữu trí tuệ và phát triển tài sản trí tuệ; Phát triển, vận hành hệ sinh thái khởi nghiệp; Phát triển doanh nghiệp KH&CN; Phát triển thị trường KH&CN,...

- Từng bước cho phép thử nghiệm chính sách mới, mô hình đổi mới sáng tạo và công nghệ mới. Tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro và độ trễ trong khoa học, dỡ bỏ các rào cản duy ý chí và hành chính hóa hoạt động KH&CN, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KH&CN phục vụ phát triển KT-XH nhanh và bền vững, xây dựng cơ sở để hình thành kinh tế tri thức của tỉnh.

2.3. Nhóm giải pháp về tăng cường liên kết hợp tác phát triển

- Đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước để tiếp thu công nghệ, sản xuất các phụ kiện phục vụ các hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp FDI, qua đó nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp trong tỉnh.

- Tiếp tục duy trì và phát triển thêm các chuỗi liên kết sản xuất nhằm nâng cao các hoạt động đổi mới sáng tạo trong quy trình ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đồng thời giải quyết đầu ra cho các sản phẩm hình thành từ các chuỗi giá trị.

Đối với các tổ chức khoa học, liên kết hợp tác là cơ hội để các tổ chức khoa học phát huy tiềm lực nội sinh, đóng góp thiết thực vào phát triển KH&CN của tỉnh.

- Tạo cơ chế, chính sách tăng cường hoạt động chuyển giao công nghệ và trao đổi thông tin KH&CN giữa các tổ chức KH&CN công lập của tỉnh với các tổ chức KH&CN của các ngành Trung ương, các tỉnh trong hoạt động KH&CN, khuyến khích hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và phát triển nhằm nâng cao năng lực các tổ chức KH&CN của tỉnh sớm đạt trình độ chung của các nước trong khu vực.

Mở rộng hợp tác với các tổ chức thông tin KH&CN trong nước (Cục Thông tin

KH&CN Quốc gia, Cục Sở hữu trí tuệ), xây dựng cơ sở dữ liệu về các công trình nghiên cứu, các sáng chế, trình độ công nghệ, nhân lực công nghệ của các doanh nghiệp trong tỉnh phục vụ cho việc nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo của các tổ chức KH&CN công lập của tỉnh.

2.4. Nhóm giải pháp về xây dựng hạ tầng KH, CN&ĐMST

- Duy trì và nâng cấp các tổ chức KH, CN&ĐMST của tỉnh, gồm các tổ chức KH&CN, các trường đại học, cao đẳng của tỉnh bằng việc tăng cường đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại phục vụ công tác chuyên môn; đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động và kết nối với các tổ chức KH, CN&ĐMST của Trung ương và các địa phương trong vùng nhằm thực hiện nhiệm vụ KH&CN của tỉnh.

- Tăng cường về tổ chức, xây dựng Trung tâm Ứng dụng, dịch vụ KH&CN thành trung tâm có quy mô vùng Nam đồng bằng sông Hồng; Tăng cường hệ thống các trạm trại, các cơ sở thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm nghiệm nhằm đảm bảo sản xuất và lưu thông hàng hóa trên thị trường.

- Xây dựng, hoàn thiện và tăng cường các tổ chức trung gian, dịch vụ của thị trường KH&CN đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu về KH, CN&ĐMST (sản giao dịch công nghệ; hội chợ...); hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST (Trung tâm hỗ trợ nghiên cứu và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp,..).

2.5. Nhóm giải pháp về tài chính KH, CN&ĐMST

- Nâng cao dần mức đầu tư từ ngân sách tỉnh đầu tư cho KH, CN&ĐMST, đến năm 2030 tiệm cận với mức đầu tư từ ngân sách cho KH&CN của các tỉnh khác; tạo cơ chế, chính sách để vốn từ nhà nước là vốn mồi nhằm thu hút phần lớn hơn của các thành phần trong xã hội, nhất là doanh nghiệp đầu tư vào KH&CN.

- Đẩy mạnh hợp tác/đối tác công - tư trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH, CN&ĐMST, đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở KH, CN&ĐMST của tỉnh; huy động nguồn lực ngoài ngân sách và thu hút mọi nguồn lực trong xã hội đầu tư cho NC&PT, ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất, kinh doanh của tỉnh.

- Lồng ghép, kết hợp, thu hút nguồn lực của các chương trình KH, CN&ĐMST, chương trình KT-XH quốc gia, các quỹ quốc gia về phát triển KH, CN&ĐMST,...

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm cân nhắc đưa Quỹ phát triển KH&CN tỉnh Nam Định hoạt động trở lại nhằm tăng cường sự hỗ trợ đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện hạ tầng KH&CN, tăng cường trang thiết bị nghiên cứu, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng; kiên trì đầu tư tăng cường tiềm lực thông tin KH&CN. Đẩy mạnh ứng dụng KH&CN để số hóa cơ sở dữ liệu của tỉnh Nam Định, tạo nền tảng phát triển Chính phủ số; Đầu tư tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN vào thực tiễn.

3. Kết luận

Với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên hy vọng rằng KH, CN&ĐMST Nam Định thực sự trở thành yếu tố động lực cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất và chất lượng, tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa; đảm bảo phát triển KT-XH xanh, bền vững của tỉnh./.

NHỮNG ĐIỂM SÁNG CẦN NHẬN RỘNG TỪ CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

✍️ ThS. ĐỖ THỊ THỦY

Phó TP QL Công nghệ và Thị trường công nghệ

Nam Định là một tỉnh thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy hải sản là những ngành chủ yếu của tỉnh. Chính vì thế việc triển khai chuyển giao, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của một số hàng hóa và nông sản trên thị trường được tập trung hỗ trợ. Cùng với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh, các nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số (gọi tắt là Chương trình NTMN) trong giai đoạn vừa qua đã hỗ trợ chuyển giao nhiều công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trên các lĩnh vực, ứng dụng vào các mô hình sản xuất trong nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao, là những điểm sáng cần nhận rộng trong sản xuất.

Trước tiên đó là các mô hình về sản xuất rau, quả từ kết quả của dự án “*Xây dựng*

mô hình sản xuất một số loại rau, quả chất lượng cao (dưa vằn lưới, dưa lê Hàn Quốc, dưa chuột, cà chua và măng tây...) ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Nam Định” do Công ty cổ phần sản xuất và đầu tư nông nghiệp công nghệ cao Thần Nông chủ trì thực hiện giai đoạn 2020-2023.

Dự án triển khai đầu tư hệ thống nhà lưới với tổng diện tích 10.000m² cùng các trang thiết bị hiện đại như: hệ thống tưới phân tự động, hệ thống quạt đối lưu tuần hoàn, hệ thống lọc và xử lý nước tưới và cấp dinh dưỡng, hệ thống tưới nhỏ giọt ngoài đồng ruộng, khu xử lý giá thể trước và sau khi trồng, hệ thống camera giám sát, nhà sơ chế đóng gói, nhà bảo quản hiện đại đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm... tạo thành hệ thống sản xuất khép kín.

Thông qua triển khai dự án, tiếp nhận 08 quy trình công nghệ từ nhiều đơn vị gồm: quy trình công nghệ sản xuất dưa chuột, dưa thom, cà chua trong nhà màng hiện đại;



Mô hình hoa lan Hồ Điệp trong nhà màng hiện đại

quy trình sản xuất dưa lê Hàn Quốc, măng tây theo VietGAP, sản xuất cây giống và kỹ thuật trồng cà chua ghép trên gốc cà tím, công nghệ sơ chế và bảo quản một số loại rau ăn quả, dự án đã triển khai các mô hình với kết quả được đánh giá cao, gồm:

(1) Mô hình sản xuất Cà chua (Cà chua cherry, cà chua quả to), Dưa lưới, Dưa chuột công nghệ trên túi bầu giá thể sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân tự động trong nhà màng.

(2) Mô hình sản xuất rau cà chua ghép, dưa lê Hàn Quốc, măng tây, quy mô hàng hóa ngoài đồng ruộng theo VietGAP.

(3) Mô hình sơ chế, bảo quản, liên kết tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu rau quả chất lượng cao. Quy mô: nhà sơ chế 80 m², kho lạnh 50 m² (120m³).

Từ kết quả dự án và tính toán hiệu quả kinh tế cho thấy trên cùng một đơn vị diện tích thì sản xuất trong nhà màng đem lại hiệu quả cao hơn so với sản xuất ngoài đồng ruộng. Cụ thể: trong nhà màng lợi nhuận bình quân đạt 437,5 triệu/ha; ngoài đồng ruộng

lợi nhuận bình quân đạt 287,3 triệu/ha. Đối tượng nên ưu tiên cho sản xuất trong nhà màng là dưa chuột (lợi nhuận 442 triệu/ha), dưa vằn lưới (lợi nhuận 403 triệu/ha) và xen vụ cà chua cherry (lợi nhuận 294 triệu/ha), đây là ba loại hàng hóa có mức tiêu thụ mạnh trên thị trường đặc biệt là dưa chuột. Riêng cà chua dạng quả to mặc dù hiệu quả kinh tế trên 1ha tương đối cao nhưng tiêu thụ chậm nên rất tốn kém trong khâu bảo quản.

Với các loại cây trồng ngoài đồng nên đẩy mạnh sản xuất cà chua ghép (lợi nhuận 330 triệu/ha) vì cây khỏe, sinh trưởng tốt. Đối với dưa lê Hàn (lợi nhuận 267 triệu/ha) và măng tây (lợi nhuận 229 triệu/ha), do là đây vùng trũng trồng lúa (đất thịt, gan gà) nên việc xử lý đất trồng, hệ thống tiêu thoát để phù hợp là hết sức phức tạp và tốn kém, chưa tính đến việc phải làm công tác phòng chống và diệt chuột.

Tiếp theo, trong lĩnh vực sản xuất hoa cây cảnh, đó là những mô hình sản xuất hoa Lan hồ điệp, hoa cát tường, hoa Lily từ



Dưa lê vàng và Dưa lê Hàn Quốc được trồng tại Công ty cổ phần sản xuất và đầu tư nông nghiệp công nghệ cao Thần Nông

kết quả dự án “**Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất hoa thương phẩm chất lượng cao tại Nam Định**” do Hợp tác xã sản xuất và kinh doanh hoa cây cảnh Nam Phong chủ trì triển khai giai đoạn 2020-2024. Thông qua dự án được tiếp cận với các quy trình công nghệ kỹ thuật do đơn vị chuyển giao có kinh nghiệm hướng dẫn, đào tạo kỹ thuật, các bộ giống tiên tiến chất lượng, sản phẩm hoa các loại của dự án đạt chất lượng cao, màu sắc đẹp phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ nhanh mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Đối với mô hình sản xuất hoa Lan hồ điệp ứng dụng công nghệ cao, dự án đã đầu tư ban đầu nhà màng hiện đại diện tích 500m² gồm: hệ thống màng phủ nilon, lưới điều chỉnh ánh sáng, hệ thống màng bảo ôn di động, hệ thống làm mát, hệ thống máy lạnh để xử lý ra hoa cho Lan hồ điệp, hệ thống giàn giá thiết kế di động giúp tận dụng không gian tối đa trong nhà màng... Quy mô sản xuất có thể đáp ứng trên dưới 15.000 cây

lan hồ điệp, quy mô dự án 12.000 cây. Sau vụ sản xuất đầu tiên, nhận thấy tiềm năng và hiệu quả kinh tế đạt được, đơn vị đã tiếp tục đầu tư quy mô tăng lên gấp đôi để sản xuất từ nguồn đối ứng của đơn vị. Như vậy, hiện nay Hợp tác xã đang sản xuất Lan hồ điệp với quy mô 1.000m² (tương đương khoảng 30.000 cây). Với mô hình sản xuất hoa Lan hồ điệp qua 3 vụ sản xuất, đến nay Hợp tác xã đã làm chủ quy trình từ nhân cây giống nuôi cấy mô tế bào, ra ngôi, chăm sóc cây con, chăm sóc và xử lý ra hoa, điều chỉnh kỹ thuật để có được sản phẩm hoa lan hồ điệp thương phẩm tốt nhất, chất lượng, màu sắc, độ bền hoa chơi phục vụ dịp tết nguyên đán.

Mô hình sản xuất hoa cát tường trong 02 vụ (năm 2021 và 2022) với tổng diện tích 5.000m² nhà màng đơn giản, quy mô sản xuất trên 100.000 cây, gồm các giống chất lượng như: Rosita Blue Picotee (màu trắng viền tím), Rosita Green (màu xanh ngọc); Aube Rose Picotee (màu trắng viền hồng); Rosita Red (màu đỏ thắm). Qua sản xuất

nhận thấy với bộ giống sử dụng trong dự án, các giống đều sinh trưởng phát triển tốt, bông hoa có nhiều lớp cánh mỏng, mịn, xếp xoáy dày đẹp, màu sắc các loại hoa được đánh giá đẹp, số hoa trên cây đạt từ 10-12 hoa, độ bền hoa từ 10-12 ngày, sản phẩm được người tiêu dùng ưa chuộng.

Mô hình sản xuất hoa Lily trong 02 vụ (năm 2021 và 2022) với tổng diện tích 5.000m² nhà màng đơn giản, quy mô sản xuất trên 150.000 củ giống gồm các giống chất lượng như: Sorbonne (Hoa màu hồng), Manissa (Hoa màu vàng trắng), Lake Carey (Hoa màu đỏ), Yellowee (Hoa màu vàng). Với bộ giống sử dụng trong dự án, các giống đều sinh trưởng phát triển tốt, chiều cao cây dao động từ 90-120 cm và số hoa trên cây đều đạt yêu cầu từ 5-7 nụ, hoa/cây, chất lượng, màu sắc hoa, độ dày cánh hoa đẹp.

Với kết quả của các mô hình sản xuất hoa thương phẩm, đặc biệt mô hình sản xuất lan hồ điệp với việc chủ động trong xử lý phân hóa mầm hoa đã mang lại những

hiệu quả cao cho Hợp tác xã. Trong thời gian thực hiện dự án, Hợp tác xã đã tiếp đón rất nhiều đoàn khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong triển khai các mô hình.

Với những thành công bước đầu của các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp được ngành KH&CN hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho thấy lựa chọn ứng dụng công nghệ là điều kiện cần thiết để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và mang lại hiệu quả kinh tế. Các mô hình đã và đang là những điểm sáng để các ngành, địa phương tham quan học tập và nhân rộng trong sản xuất giai đoạn tiếp theo. Các đơn vị chủ trì thực hiện các mô hình cũng đã có những giải pháp, phương án nhằm tiếp tục duy trì, nhân rộng và phát triển sản xuất và mong muốn tiếp tục có sự chỉ đạo của các cấp, các ngành, địa phương để có thể nhân rộng những điển hình trên địa bàn tỉnh./.



KẾT QUẢ

HỘI THI SÁNG TẠO KHOA HỌC KỸ THUẬT TỈNH NAM ĐỊNH LẦN THỨ IX (2022-2023)

 **TS. VŨ ĐẠI AN**
Phó TP Kế hoạch - Tổng hợp

Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Nam Định lần thứ IX (2022-2023) được tổ chức nhằm thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo một cách sâu rộng trong toàn dân, thuộc các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, sản xuất, đời sống,

kinh tế - xã hội thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, an ninh và quốc phòng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.



Các tác giả đạt giải trong Cuộc thi

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ-UBND về việc thành lập Ban tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Nam Định lần thứ IX (2022 - 2023); trải qua hai năm phát động Hội thi trên quy mô toàn tỉnh, hội thi đã đẩy lên một phong trào thi đua lao động sáng tạo sâu rộng tới các cơ quan, trường học, doanh nghiệp và người lao động với đủ các thành phần tham gia, gồm: giáo viên, giảng viên, kỹ sư, bác sĩ, công chức, viên chức, công nhân và cả các nhà quản lý. Đến ngày 15/10/2023, ban tổ chức cuộc thi đã nhận tổng cộng 77 giải pháp dự thi đến từ các huyện, thành phố trong tỉnh. Trong đó lĩnh vực Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông (15 giải pháp); Cơ khí tự động hóa, xây dựng, giao thông (11 giải pháp); Vật liệu, hóa chất, năng lượng và lĩnh vực khác (7 giải pháp); Nông, lâm, ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường (15 giải pháp); Y dược (8 giải pháp); Giáo dục (21 giải pháp).

Kết quả đã có 36 giải pháp xuất sắc đoạt giải, gồm: 3 giải Nhất, 6 giải Nhì, 11 giải Ba và 16 giải Khuyến khích.

Có thể nói 36 giải pháp đạt giải lần này đã phản ánh khá toàn diện nhiều hoạt động sản xuất - đời sống của tỉnh, bảo đảm tính mới, tính khoa học và tính thực tiễn. Nhiều giải pháp đã mang lại hiệu quả thiết thực, làm lợi cho doanh nghiệp hàng tỷ đồng, hoặc đã thay thế được thiết bị ngoại nhập, góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng sản phẩm như: Hoàn thiện quy trình công nghệ sàng lọc, sấy tép khô” của tác giả Nguyễn Hùng Vương, Công ty TNHH một thành viên hải sản Hùng Vương - lĩnh vực Cơ khí tự động hóa, xây dựng, giao thông; “Công nghệ phân

loại và xử lý rác thải cân bằng sinh thái” của tác giả Trần Văn Trường, HTX dịch vụ nông nghiệp và môi trường xanh Trường Phát - lĩnh vực Nông, lâm, ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường.

Có sự nghiên cứu liên ngành để giải quyết một vấn đề, đặc biệt là việc ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 vào trong các giải pháp. Tổng số 19 giải pháp tham dự sử dụng các công nghệ 4.0 như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), tương tác thực tại ảo (AR), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động, phân tích dữ liệu lớn (SMAC)... để xử lý các công việc liên quan đến cả các ngành như cây trồng, chăn nuôi, giảng dạy, giám sát, điều tra cơ bản... Tiêu biểu như giải pháp Ứng dụng CNTT trong quản lý dược tại bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu đã giúp cho các bác sĩ cảnh báo tương tác thuốc - thuốc, thuốc - chống chỉ định, rà soát chỉ định của thuốc và cả cảnh báo sử dụng thuốc khi có một số kết quả xét nghiệm cận lâm sàng. Góp phần nâng cao hiệu quả điều trị, giảm tác dụng không mong muốn của thuốc đối với người bệnh.

Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật tỉnh Nam Định lần thứ IX (2022 – 2023) diễn ra trong khoảng thời gian Việt Nam đẩy mạnh việc ứng dụng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và tỉnh Nam Định triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, nghị quyết Tỉnh Đảng bộ lần thứ XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025). Chính vì đó mà hội thi năm nay không chỉ vẫn giữ được sự đồng đều về số lượng các tác giả tham dự mà còn có sự vận động, chuyển biến một cách tích cực hơn.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Bên cạnh đó, chất lượng của các giải pháp dự thi đã được cải thiện, nhiều giải pháp có tính mới, tính sáng tạo, mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Tính ứng dụng được thể hiện rõ trong các giải pháp đạt giải chứng tỏ được tư duy sáng tạo của tác giả bắt đầu từ sản xuất, đời sống xã hội trở lại phục vụ sản xuất đời sống nên có tính thuyết phục cao.

Đặc biệt, trình độ của tác giả tham dự hội thi năm nay cao hơn so với mọi năm với tổng cộng 09 công trình nghiên cứu của các tiến sĩ cùng sự tham gia của nhiều thạc sĩ. Nhiều giải pháp thuộc lĩnh vực Giáo dục và Y tế đã được triển khai nhân rộng từ nhiều năm trước và được thẩm định, nhận được những những đánh giá tích cực của các hội đồng chuyên môn của ngành như giải pháp Điều trị phẫu thuật ung thư đường mật ngoài gan tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định đã được triển khai thành công với những số liệu thống kê đánh giá chất lượng sống của bệnh nhân sau khi điều trị phẫu thuật và những phương thức điều trị để rút ra được những ưu điểm, nhược điểm trong lựa chọn phương pháp điều trị bệnh lý ung thư này.

Có thể thấy, so với các kỳ tổ chức trước, Hội thi năm nay có nhiều đổi mới từ khâu triển khai, chấm chọn và tôn vinh các tác giả đạt giải. Để có được thành quả bước đầu như hôm nay, ban tổ chức đã nỗ lực trong việc tạo ra một môi trường sáng tạo có tính chất lành mạnh để người lao động thỏa sức sáng tạo, thể hiện niềm đam mê bằng cách mời các chuyên gia đánh giá, khuyến khích

và hỗ trợ các sáng tạo cá nhân thể hiện được ý tưởng ngay từ khi bắt đầu đăng ký tham dự cuộc thi. Bên cạnh đó việc tuyên truyền bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cũng đặc biệt được quan tâm nhằm tạo ra môi trường nghiên cứu, sáng tạo lành mạnh, minh bạch. Hội đồng chấm thi ở 6 lĩnh vực sẽ hạn chế những thành viên thuộc ban tổ chức và tăng cường những chuyên gia ở từng ngành phụ trách để đảm bảo tính khách quan, chính xác. Các giải pháp đạt giải bên cạnh việc phải đảm bảo tính mới, tính sáng tạo thì cũng cần hướng tới hướng đến sự hiệu quả thực tiễn mà đối tượng thụ hưởng chính là đông đảo các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người lao động.

Lễ tổng kết và trao giải Hội thi lần thứ IX (2022 - 2023) cũng mang tính tôn vinh hơn, thể hiện ở giá trị giải thưởng và được truyền hình trực tiếp trên sóng phát thanh và truyền hình tỉnh Nam Định với sự quan tâm hưởng ứng của lãnh đạo Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các ban ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Không khí buổi lễ trao giải không chỉ là sự tôn vinh cho một quá trình nghiên cứu, tìm tòi và sáng tạo mà còn là một dịp để truyền thông rộng rãi giải pháp đó đến với mọi thế hệ người dân, tạo điều kiện để giải pháp được ứng dụng một cách rộng rãi hơn, là tiền đề, cơ sở khuyến khích cho những công trình nghiên cứu, quy mô, hiệu quả hơn sau này./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI NHÀ ĐỂ Ở KẾT HỢP SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

✍️ Thượng tá, ThS. VŨ QUYẾT CHIẾN
TP Cảnh sát PCCC&CNCH (Công an tỉnh Nam Định)
ThS. TRẦN GIAI NHÂN
Phó TP Quản lý Khoa học (Sở KHCN tỉnh Nam Định)

1. Mở đầu

Nhà ở hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh trong khu dân cư là nhà ở được xây dựng trên thửa đất để ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ngoài mục đích để ở còn sử dụng làm nơi tạo ra sản phẩm và nơi buôn bán với quy mô nhỏ trong thôn, xóm, làng, tổ dân phố... và đơn vị dân cư tương đương.

Bài viết đánh giá thực trạng, nguy cơ xảy ra cháy, nổ tại các hộ gia đình sử dụng nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh và đề xuất một số giải pháp phòng cháy, chữa cháy (PCCC) đối với nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh trong các khu dân cư trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Thực trạng công tác PCCC đối với nhà để ở kết hợp sản xuất kinh doanh

Những năm gần đây, tỉnh Nam Định luôn nằm trong top đầu tăng trưởng kinh tế của cả nước, loại hình kinh tế tư nhân thuộc nhóm cơ sở hộ gia đình sử dụng nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh cũng ngày càng phát triển đa dạng và ngày càng gia tăng cả về số lượng, quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh. Theo thống kê

năm 2022, trên địa bàn tỉnh hiện có 20.248 hộ gia đình sử dụng nhà để ở kết hợp sản xuất kinh doanh, phân bố rải rác ở hầu hết tất cả các khu dân cư trên địa bàn tỉnh, nhưng lại tập trung chủ yếu trên các tuyến phố, mặt đường của khu dân cư sầm uất tập trung như: thành phố, thị trấn, và làng nghề truyền thống. Sự gia tăng loại hình, số lượng cơ sở, sự đa dạng các mặt hàng trong quá trình sản xuất, kinh doanh làm gia tăng lượng tài sản, các chất dễ cháy tại các nhà ở hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh, khiến loại hình cơ sở này tiềm ẩn nguy cơ cháy, nổ rất cao.

Theo thống kê của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Nam Định, từ năm 2013 đến năm 2022 đã xảy ra 327 vụ cháy, làm chết 12 người, bị thương 35 người, tài sản thiệt hại ước tính 14.825 tỷ đồng. Trong đó, số vụ cháy xảy ra tại các hộ gia đình là 134 vụ, số vụ cháy xảy ra tại nhà để ở kết hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các khu dân cư là 70 vụ. Nguyên nhân của các vụ cháy hầu hết là do hệ thống điện không bảo đảm an toàn, nguồn điện thường được đấu mắc, sử dụng chung, không tách riêng nguồn điện sinh hoạt với nguồn điện phục vụ sản xuất, kinh doanh. Các vụ cháy

nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh có người bị nạn đa phần nạn nhân hít phải khói và khí độc từ đám cháy gây ra hiện tượng bị ngạt khói, dẫn đến tử vong trước khi bị ngọn lửa thiêu cháy. Nguyên nhân do điều kiện an toàn PCCC, thoát nạn chưa bảo đảm.

Thực hiện vai trò quản lý nhà nước về PCCC, các lực lượng chức năng, nhất là lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Nam Định đã chủ động triển khai nhiều biện pháp để bảo đảm an toàn PCCC đối với loại hình nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; đặc biệt giai đoạn từ năm 2021 trở lại đây, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Công an, phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Nam Định đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp, các ngành thực hiện các biện pháp, công tác PCCC; đặc biệt là triển khai, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các biện pháp, giải pháp an toàn về PCCC, từng bước yêu cầu loại hình nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hoạt động theo hướng an toàn hơn, đúng quy định, tiến tới chấm dứt tình trạng xảy ra cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về PCCC, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC được triển khai sâu rộng, hiệu quả, đồng bộ tới tất cả các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân dưới rất nhiều hình thức như củng cố lực lượng dân phòng, xây dựng Tổ liên gia, điểm chữa cháy công cộng, phát động phong trào nhà tôi có phương tiện chữa cháy, vận động các cơ quan, doanh nghiệp tặng bình chữa cháy cho cán bộ công nhân viên, người lao động..., đến ngày 31/12/2023 đã có trên 94% số hộ gia đình được trang bị bình chữa cháy.

Công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về PCCC được thực hiện nghiêm túc kết hợp với công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật, đã mang lại

hiệu quả răn đe hết sức thiết thực. Chủ hộ gia đình có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh đã ý thức hơn rất nhiều trong việc chấp hành các quy định, pháp luật về PCCC. Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC của người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình được nâng cao kể cả về nội dung và chất lượng, nhiều gia đình đã tự giác tuyên truyền, nhắc nhở, hướng dẫn các thành viên, người lao động chấp hành nghiêm quy định về PCCC, khắc phục ngay các thiếu sót về PCCC, kịp thời bảo dưỡng, bổ sung phương tiện PCCC từ đó hiệu quả của công tác PCCC đối với loại hình nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh được nâng lên rõ rệt.

Bên cạnh những kết quả triển khai đã đạt được, công tác quản lý nhà nước về PCCC đối với các nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nam Định cũng còn một số tồn tại, hạn chế và khó khăn nhất định. Công tác tham mưu, đề xuất lãnh đạo, chính quyền các cấp, các ban ngành chức năng chưa theo kịp so với tình hình thực tế, nhất là việc ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn điều chỉnh đối với một số loại hình cơ sở mới xuất hiện như: Căn hộ có nhiều gia đình cùng sinh sống (chung cư mini), nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh nhiều mặt hàng đồng thời (sản xuất, kinh doanh hỗn hợp), nhà ở hộ gia đình cải tạo, chuyển đổi sang sản xuất, kinh doanh nhiều lần, công tác thành lập, quản lý và duy trì hoạt động của Đội dân phòng, lực lượng PCCC cơ sở còn mang tính đối phó, hình thức, hiệu quả hoạt động không cao, công tác tham mưu cho các cấp chính quyền còn rất hạn chế, việc đầu tư, trang bị, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện, PCCC còn gặp rất nhiều khó khăn, rất nhiều đội dân phòng chưa được trang bị các phương tiện chữa cháy tại chỗ theo định mức cần thiết quy định, cá biệt có địa phương chính quyền mới chỉ đầu tư, trang bị được số lượng phương tiện chữa cháy dưới 30% so với định mức quy định...

3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCCC đối với nhà ở ở kết hợp sản xuất kinh doanh

Trong thời gian tới, cùng với sự phát triển của kinh tế, xã hội, số lượng các loại hình cơ sở nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh sẽ ngày càng gia tăng, nguy cơ cháy, nổ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, đặt ra những thách thức mới trong công tác quản lý nhà nước về PCCC, đòi hỏi cần có những quy định điều chỉnh phù hợp và cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là chính quyền các địa phương cấp cơ sở trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về PCCC. Tác giả xin đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác PCCC đối với nhà ở hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nam Định thời gian tới, nhằm giảm thiểu tối đa những nguy cơ và thiệt hại do cháy, nổ gây ra; bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, các hộ gia đình; góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Một là, nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của UBND các cấp, của lực lượng Công an trong quản lý nhà nước về PCCC tại các khu dân cư: Lực lượng Công an (chủ trì là lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH) làm tốt công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với loại hình nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh tại các khu dân cư, trên cơ sở đó phân loại, quản lý theo từng nhóm, lĩnh vực hoạt động, triển khai nghiêm túc, đầy đủ, có hiệu quả các quy định về bảo đảm an toàn PCCC theo quy định hiện hành.

Hai là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng PCCC; đẩy mạnh xây dựng phong trào toàn dân tham gia công tác PCCC: Các cấp chính quyền địa phương trong tỉnh, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức tăng cường, áp dụng nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật đa dạng để thu hút được sự quan tâm, chú ý, tìm hiểu của cán bộ, quần chúng nhân dân với công tác PCCC. Định kỳ 02 năm/lần triển khai thực hiện đầy đủ việc tập huấn chuyên sâu cho các chủ thể quản lý nhà nước, bảo đảm đối tượng này nhận thức đúng về vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác PCCC. Song song với đó là cần thực hiện tốt phong trào toàn dân tham gia công tác PCCC đáp ứng yêu cầu phương châm “4 tại chỗ”; xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân tham gia công tác PCCC như các mô hình tuyên phổ an toàn PCCC, tổ liên gia an toàn PCCC ..., trong đó vận động 100% các hộ gia đình có nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh, phải tham gia.

Ba là, triển khai thực hiện tốt công tác kiểm tra, hướng dẫn an toàn PCCC tại các khu dân cư, hộ gia đình có nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh: Chính quyền địa phương cấp cơ sở chỉ đạo và duy trì đầy đủ hoạt động kiểm tra an toàn PCCC hàng năm theo quy định. Việc kiểm tra cần căn cứ vào số lượng, loại hình cơ sở hoạt động tại địa phương để có thể phân loại, tiến hành kiểm tra chuyên sâu theo các chuyên đề như: kiểm tra chuyên đề nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh chuyên về may mặc; kiểm tra chuyên đề nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ; kiểm tra chuyên đề nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng tạp hoá, văn phòng phẩm...



Một số hình ảnh diễn tập PCCC đối với nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh tại thành phố Nam Định

Bốn là, xây dựng, duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng dân phòng tại các khu dân cư: Thực hiện nghiêm túc việc thành lập và duy trì hoạt động của đội Dân phòng tại các khu dân cư, định kỳ kiểm tra, thay thế, bổ sung các đội viên không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe. Đặc biệt, việc tuyển chọn Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng cần lựa chọn người có uy tín, có đạo đức, nhiệt tình khi được yêu cầu hoặc tình nguyện tham gia và ưu tiên người có trình độ, đã được đào tạo cơ bản, được trang bị kiến thức pháp luật đã từng tham gia hoạt động bảo đảm ANTT nói chung và PCCC nói riêng.

Năm là, tham mưu thực hiện các giải pháp, bảo đảm các điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy tại các khu dân cư, ưu tiên các nơi tập trung sản xuất, kinh doanh các mặt hàng dễ cháy, nổ: Các lực lượng được giao quản lý nhà nước về PCCC nói chung và lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng tại mỗi địa phương thường xuyên làm tốt công tác điều tra cơ

bản, tham mưu chính quyền địa phương chỉ đạo các cấp, các ngành, các đơn vị chức năng phối hợp thực hiện tốt các điều kiện phục vụ cho chữa cháy, nhất là việc bảo đảm các điều kiện về giao thông, nguồn nước tại chỗ. Các khu dân cư, làng nghề, các khu vực tuyến phố tập trung loại hình nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh cần tháo bỏ các vật cản trên đường như barie, trụ bê tông hạn chế phương tiện giao thông; Cải tạo, xây dựng bển lấy nước, lắp đặt trụ nước chữa cháy phục vụ cho xe chữa cháy lấy nước...

Sáu là, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý, điều hành công tác đảm bảo an toàn PCCC tại nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh của Chủ hộ gia đình: Chủ hộ gia đình phải tích cực, chủ động nghiên cứu, tìm hiểu nắm vững các quy định nêu trong văn bản quy phạm pháp luật về PCCC có liên quan đến trách nhiệm của mình trong công tác PCCC; nắm vững những kỹ năng, nội dung, cách thức tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn PCCC sao cho phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động sản xuất, kinh doanh tại gia đình mình./.

SO SÁNH LIÊN PHÒNG TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

 ThS. ĐOÀN MẠNH CHÁT
Trưởng phòng QL Đo lường – Tổng hợp

So sánh liên phòng (SSLP) hay thử nghiệm thành thạo là hoạt động đánh giá kết quả đo, thử nghiệm cho cùng một đối tượng, trên cùng một phương pháp của một nhóm các phòng thí nghiệm có năng lực và điều kiện tương đương, áp dụng đối với các phòng hiệu chuẩn, kiểm định đo lường gọi là so sánh liên phòng và áp dụng đối với các phòng thử nghiệm gọi là thử nghiệm thành thạo.

Vai trò của hoạt động SSLP

Xuất phát từ thỏa ước thừa nhận lẫn nhau của ILAC-MRA. Trong đó, Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (Mutual Recognition Arrangements, viết tắt là MRA) và ILAC (International Laboratory Accreditation Cooperation) là Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm quốc tế hoạt động dựa trên chuẩn mực ISO/IEC 17011 và thực hiện công nhận phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn theo ISO/IEC 17025; phòng xét nghiệm y tế theo ISO 15189; các tổ chức giám định theo ISO/IEC 17020. Thông qua việc ký kết thỏa ước, giữa các phòng thí nghiệm trên thế giới sẽ nhận

biết được dấu hiệu của sự thừa nhận lẫn nhau “ILAC-MRA” in trên phiếu kết quả.

Ở tầm khu vực, hiện có thỏa ước thừa nhận lẫn nhau của APAC – MRA (Asia Pacific Accreditation Cooperation). Một trong những vai trò chính của APAC là mở rộng thỏa thuận công nhận lẫn nhau và hài hòa hóa các hoạt động công nhận trong khu vực.

Đối với các tổ chức duy trì hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, việc SSLP được thực hiện theo yêu cầu của tổ chức công nhận quốc tế như Hiệp hội Công nhận Phòng thí nghiệm Quốc tế (ILAC), Hợp tác công nhận phòng thí nghiệm châu Á Thái Bình Dương (APLAC). Một trong số các yêu cầu đó là: “Các tổ chức được công nhận phải có trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia các chương trình SSLP có liên quan đến lĩnh vực được công nhận, lập hồ sơ đầy đủ về kết quả hoạt động này và thông báo cho tổ chức công nhận”.

Vì vậy, SSLP là hoạt động không thể thiếu trong việc duy trì hệ thống quản lý theo ISO/IEC 17025 và hoạt động quản lý

nhà nước về đo lường. Việc tổ chức SSLP và thử nghiệm thành thạo là hoạt động hết sức cần thiết, nhằm đánh giá năng lực thực tế của phòng thí nghiệm để nâng cao tính đúng đắn của kết quả và sự công nhận lẫn nhau về kết quả của phép đo lường hoặc thử nghiệm. Kết quả so sánh liên phòng cũng là cơ sở về năng lực của các phòng thử nghiệm, phòng đo lường để tổ chức chứng nhận, công nhận xem xét khi đánh giá.

Thực tiễn hoạt động SSLP tại Việt Nam trong thời gian qua

Việc tổ chức SSLP và thử nghiệm thành thạo đối với một số tổ chức phần lớn mang tính tự phát, không do đơn vị có năng lực tổ chức, không được cấp mã số, giá trị tham chiếu của việc so sánh chưa được xác định rõ ràng và chưa có những chương trình so sánh có quy mô lớn với sự tham gia của các đơn vị uy tín.

Tính đến đầu năm 2022, việc SSLP của các tổ chức ở Việt Nam chưa được cơ quan quản lý là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TĐC) cấp mã số chương trình, kết quả của các chương trình so sánh này chưa được thông báo cũng như chưa được sử dụng làm bằng chứng đánh giá năng lực kỹ thuật trong việc đăng ký, chỉ định cho các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn chuẩn đo lường và thử nghiệm phê duyệt mẫu phương tiện đo.

Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” ngày 10/8/2018 của Thủ

tướng Chính phủ có yêu cầu tăng cường hợp tác quốc tế trong đó nêu rõ: “Mở rộng đàm phán, ký kết các thỏa thuận song phương và đa phương nhằm thừa nhận lẫn nhau kết quả đo, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, sản phẩm hàng hóa tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại” và đến ngày 18/7/2023, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 1537/QĐ-BKH&CN về việc “Hướng dẫn xây dựng và triển khai thực hiện chương trình so sánh liên phòng về đo lường”.

Trong khuôn khổ triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Viện Đo lường Việt Nam (VMI) đã tổ chức chương trình SSLP năm 2022 với sự tham gia của các đơn vị như Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, 2, 3 và Trung tâm Đo lường Quân đội (Bộ Quốc phòng). Mục đích của chương trình nhằm đánh giá tính đúng đắn của việc duy trì hệ thống chuẩn, khả năng đo và hiệu chuẩn của các đơn vị bằng cách xác định mức độ tương đương giữa kết quả hiệu chuẩn của các đơn vị tham gia so với kết quả hiệu chuẩn của đơn vị chủ trì, ở đây là VMI. Chương trình được thiết kế với những đại lượng đo phổ biến, cùng các phạm vi đo và độ chính xác phù hợp với năng lực hiệu chuẩn của các đơn vị. Quá trình thực hiện bao gồm các công việc: thực hiện lựa chọn mẫu; đảm bảo các đặc trưng kỹ thuật của mẫu so sánh và các phương tiện đo phụ trợ; dự thảo thủ tục kỹ thuật; thống nhất về phương pháp đo và cách thức lấy kết quả; tổ

chức luân chuyển mẫu so sánh; đánh giá các điều kiện ảnh hưởng đến mẫu (bù độ lệch, đánh giá độ ổn định trước và sau khi hiệu chuẩn, bù ảnh hưởng của nhiệt độ đến bộ chỉ thị; xử lý độ lệch của giá trị tham chiếu với các so sánh chủ chốt (key comparison) của quốc tế; xử lý kết quả và dự thảo báo cáo kết quả chương trình, thống nhất với các đơn vị tham gia và báo cáo về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và đã được cấp mã số cho chương trình thuộc ba lĩnh vực đo với mã số tương ứng, bao gồm:

i) TDC-Đ.SS1: Lĩnh vực năng lượng điện - công tơ chuẩn 3 pha;

ii) TDC-AS.SS1: Lĩnh vực áp suất thủy lực từ 70 đến 700 bar;

iii) TDC-DT.SS1: Lĩnh vực dung tích - bình chuẩn kim loại với thể tích danh nghĩa 10l.

Tình hình hoạt động SSLP tại Nam Định

Hoạt động SSLP bắt đầu thực hiện từ năm 2018 với lĩnh vực thử nghiệm điện của Trung tâm Ứng Dụng, Dịch vụ Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định mà trước đây là Trung tâm Kiểm định, Hiệu chuẩn, Thử nghiệm thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. SSLP được duy trì hàng năm nhằm đánh giá năng lực thực tế của phòng thí nghiệm và nâng cao tính đúng đắn của kết quả và là cơ sở khoa học để xây dựng kế


hoạch đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và để tổ chức chứng nhận, công nhận xem xét khi đánh giá chứng nhận lại. Tuy nhiên, SSLP và thử nghiệm thành thạo trong lĩnh vực đo lường chỉ bắt đầu được quan tâm triển khai thực hiện từ khi có Đề án 996 về “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và mới tổ chức triển khai thí điểm tại một số đơn vị kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường có tiềm lực ở cấp trung ương. Ở cấp địa phương, các tổ chức hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường mới tiếp cận ở góc độ nhận thức thông qua tuyên truyền, phổ biến.

Khuyến nghị

Thứ nhất, cần ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn về hoạt động SSLP theo hướng yêu cầu, khuyến khích các đơn vị đăng ký, chỉ định tham gia đối với cả lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn chuẩn đo lường, thử nghiệm phê duyệt mẫu và hiệu chuẩn phương tiện đo.

Thứ hai, cần có các kế hoạch, quy hoạch để đầu tư, trang bị thêm các mẫu so sánh đáng tin cậy.

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT - NHÌN TỪ VAI TRÒ CỦA TRUNG TÂM ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

 **ThS. ĐỖ THỊ ĐOAN TRANG**
*Nguyên TP. Nghiên cứu - Ứng dụng
(Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ KH&CN)*



Nấm Đông trùng Hạ thảo được nuôi cấy tại Trung tâm Ứng dụng, dịch vụ KH&CN

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 Trung tâm Ứng dụng Dịch vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 đơn vị đó là Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ KH&CN, Trung tâm Thông tin Thống kê Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định. Một trong những

chức năng chính của Trung tâm là tổ chức đào tạo tập huấn, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, thông tin khoa học công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng đến người dân. Tổ chức thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm: đào tạo, chuyển giao, thương mại hóa và nhân rộng các kết quả của đề tài và dự án sản xuất thử nghiệm.

Trong những năm qua song song với rất nhiều các nhiệm vụ, chương trình đã triển khai Trung tâm Ứng dụng Dịch vụ KH&CN (sau đây viết tắt là Trung tâm) đã triển khai quyết liệt các chương trình để thực hiện các chức năng trên. Cho đến năm 2023, Trung tâm đã sở hữu cho riêng mình một bộ các sản phẩm được hình thành từ các đề tài, dự án, dịch vụ công, chương trình đã, đang triển khai. Các sản phẩm hữu hình được thành lập bao gồm rất nhiều các quy trình công nghệ, hướng dẫn sử dụng, quy trình kỹ thuật, tài liệu, ấn phẩm truyền hình, báo nói, báo viết... Cụ thể Trung tâm đã triển khai được 2 dự án Nông thôn miền núi tiếp nhận và triển khai các công nghệ sản xuất khoai tây giống các cấp và sản xuất nấm Đông Trùng Hạ Thảo, trong lĩnh vực ứng dụng Trung tâm đã thực hiện hàng chục dịch vụ công tiếp nhận xây dựng mô hình sản xuất nhiều loại giống cây mới, công nghệ nuôi, công nghệ tưới mới, sản xuất nhiều loại chế phẩm vi sinh giúp xử lý môi trường và phân bón vi sinh hữu cơ... Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trên với mong muốn ứng dụng, chuyển giao các công nghệ mới vào sản xuất Trung tâm đã gặp nhiều vấn đề có vấn đề có thể giải quyết được, có những vấn đề Trung tâm không thể giải quyết được dẫn đến hiệu quả việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ chưa thực sự như mong muốn.

Trong vai trò người thực hiện, Trung tâm đã rút ra cho mình rất nhiều kinh nghiệm và góc nhìn, có khó khăn có thuận lợi, những khó khăn thuận lợi đó đến từ nhiều phía.

Đầu tiên từ cơ chế chính sách đối với hoạt động của trung tâm nói chung và hoạt động ứng dụng, chuyển giao nói riêng liên

tục thay đổi và cập nhật. Các văn bản thay thế chưa bao trùm lên các văn bản cần thay thế. Các văn bản bổ xung chưa cập nhật được tình hình mới. Các văn bản luật, dưới luật, thông tư, nghị định, quyết định cùng quy định một vấn đề làm cho việc thực hiện không tránh khỏi lúng túng.

Hiện tại có một số văn bản đang quy định rất chặt chẽ việc xây dựng các dịch vụ công của Trung tâm như sau:

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Quyết định 2099/QĐ-TTg, ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. Thông tư 01/2017/TT-BKH&CN, ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Thông tư 90/2017/TT-BTC, ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập Trung tâm Ứng dụng, dịch vụ khoa học và công nghệ tỉnh Nam Định. Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07/1/2016 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Nam Định có sử dụng ngân sách nhà nước. Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND



Nấm Đông trùng Hạ thảo tươi, khô và Rượu Đông trùng Hạ Thảo được sản xuất tại Trung tâm Ứng dụng, dịch vụ KH&C

tỉnh Nam Định ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Nam Định.

Với mỗi lĩnh vực nhỏ khác nhau lại có thêm những quy định khác nhau nữa khiến cho việc ứng dụng chuyển giao càng thêm chặt chẽ: Như các quy định về nhập khẩu, về giống về quy trình kỹ thuật vv...

Thứ hai khó khăn đến từ việc quy định chặt chẽ khi thực hiện các đề tài dự án. Hiện nay việc thực hiện dự án với Trung tâm khó thực hiện bởi quy định về vốn đối ứng, đảm bảo đủ vốn đối ứng để thực hiện các dự án dù cho là dự án khả thi là vô cùng khó với Trung tâm. Trung tâm đã hoạt động theo cơ chế tự chủ chi thường xuyên từ năm 2018 do đó tài chính rất hạn hẹp. Việc đối ứng bằng cơ sở hạ tầng cũng rất hạn chế bởi đa số đều

được đầu tư từ các đề tài dự án, hiện tại có tài sản đã được giao lại cho Trung tâm, có tài sản vẫn chưa bàn giao cho Trung tâm. Bên cạnh đó việc quy định chặt chẽ trong việc lưu hành các sản phẩm dự án sau khi kết thúc cũng là một trong những rào cản lớn. Tương tự như việc thực hiện các dự án, việc thực hiện các đề tài tại Trung tâm cũng chưa được thuận lợi, cơ sở hạ tầng, nhân lực thực hiện đều chưa thuận lợi.

Thứ ba hiện nay các công nghệ, kỹ thuật luôn thay đổi theo thời gian, muốn đưa được các công nghệ, kỹ thuật nhanh chóng đến với những tổ chức cá nhân có nhu cầu nếu làm không nhanh sẽ trở lên lạc hậu, ví dụ như việc công nhận 1 giống mới, một kỹ thuật là mới phải qua lộ trình dài nhiều năm, trong khi kỹ thuật mới giống mới lại liên tục được nghiên cứu ra. Chờ đủ điều kiện cho Trung

tâm chuyên giao thì giống đó, kỹ thuật đó, công nghệ đó có khi đã trở lên lạc hậu. Vì thế việc lựa chọn đối tượng để chuyển giao, ứng dụng trong mấy năm lại gần đây của Trung tâm gặp rất nhiều khó khăn.

Thứ tư theo đánh giá từ các cuộc làm việc của Trung tâm với các hội, các Doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân thì thị trường Khoa học công nghệ tại Nam Định hiện nay chưa hình thành rõ rệt, chưa có hiệu quả cao. Vai trò trung gian của các tổ chức như của Trung tâm còn mờ nhạt, chưa phải là yếu tố tiên quyết cần thêm thời gian để khẳng định.

Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có một số thuận lợi nhất định để Trung tâm khẳng định vai trò của mình trong hoạt động chuyển giao ứng dụng của mình:

Được sự ủng hộ của lãnh đạo sở Khoa học và Công nghệ để tiếp tục thực hiện các đề tài, dự án trong nhiều lĩnh vực đặc biệt

lĩnh vực nông nghiệp nông thôn qua đó được tăng cường thêm nhiều tiềm lực KH&CN cho Trung tâm.

Đang trong quá trình xây dựng các văn quy phạm chặt chẽ để thực hiện các đề tài dự án dịch vụ công được thuận lợi dễ dàng, việc xây dựng các văn bản đó có sự tham gia chặt chẽ của nhiều cơ quan tổ chức và tốn nhiều thời gian song đang đem lại những kết quả ban đầu thuận lợi cho các hoạt động của Trung tâm.

Thị trường ứng dụng chuyển giao của trung tâm còn rất rộng lớn, thị trường trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn hiện nay hầu như chưa được tiếp cận với khoa học công nghệ một cách bài bản, còn manh mún và đang được ưu tiên do đó là một thuận lợi lớn đẩy mạnh việc ứng dụng chuyển giao tại khu vực này./.



HƯỞNG ỨNG NGÀY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO THẾ GIỚI (21/4) VÀ NGÀY SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI (26/4)

✍️ ThS. NGUYỄN T THANH LOAN
Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp



Nhằm tôn vinh vai trò của sở hữu trí tuệ trong đời sống kinh tế - xã hội, nâng cao nhận thức của cộng đồng về sở hữu trí tuệ, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đã chọn ngày 26/4 hàng năm là "Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới". Và ngày 21/4 hàng năm cũng được Liên hợp quốc chọn làm "Ngày Đổi mới sáng tạo thế giới" nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của sáng tạo và đổi mới trong mọi khía cạnh của sự phát triển con người.

Tại Việt Nam, những năm gần đây đã tổ chức rất nhiều hoạt động chào mừng những ngày này. Nó cũng là các sự kiện nằm trong chuỗi các hoạt động hướng tới Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5 để tôn vinh những người làm khoa học, đổi mới sáng tạo; giới thiệu, phổ biến, ghi nhận các thành quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đất nước; tăng cường sự đồng hành, gắn kết của nhà khoa học - doanh nghiệp - nhà nước và xã hội để phát triển khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam... cũng như góp phần nâng cao nhận thức xã hội và khơi dậy niềm tự hào về trí tuệ Việt Nam, tinh thần đam mê lao động sáng tạo của các tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Năm 2024, Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới có chủ đề: Sở hữu trí tuệ và các mục tiêu phát triển bền vững: Xây dựng tương lai chung bằng đổi mới và sáng tạo (IP and the SDGs: Building our common future with innovation and creativity).

Có thể thấy rằng sở hữu trí tuệ được ví là công cụ đòn bẩy thúc đẩy, nâng tầm cho đổi mới sáng tạo. Hoạt động đổi mới sáng tạo rất đa dạng và có nhiều cấp độ khác nhau. Nó có thể là việc triển khai một ý tưởng mới, tạo ra các sáng chế, tác phẩm nghệ thuật hoặc giống cây trồng mới... Dù ở mức độ, cấp độ nào, thì đổi mới sáng tạo luôn bắt nguồn từ các ý tưởng. Đây cũng là khởi nguồn hình thành tài sản trí tuệ của nhân loại. Vì vậy, trong hoạt động đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ vừa là sản phẩm, là đầu ra của quá trình đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ cũng là yếu tố đầu vào, một nguồn lực quan trọng của đổi mới sáng tạo.

Vừa qua, tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới đã phát động Cuộc thi sáng tạo video dành

cho giới trẻ với chủ đề: "Các mục tiêu phát triển bền vững và sở hữu trí tuệ vì tương lai chung của chúng ta", nâng cao nhận thức của giới trẻ về vai trò của đổi mới, sáng tạo và sở hữu trí tuệ trong việc góp phần đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Cuộc thi là cơ hội để tôn vinh các nhà sáng chế, những người sáng tạo, doanh nhân và cộng đồng trên khắp thế giới, bởi những sáng tạo và việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ gắn với các mục tiêu phát triển bền vững, góp phần cải thiện cuộc sống và bảo vệ tương lai chung.

Tại Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với các địa phương tổ chức các hoạt động nhân Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới với mục đích tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của sở hữu trí tuệ đối với công chúng gắn với chủ đề Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới đưa ra, góp phần nâng cao nhận thức, tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và các thành quả khác.

Tại Nam Định, hưởng ứng ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4, sở KH&CN Nam Định đã phát động nhiều hoạt động với hình thức khác nhau như hội thảo, tập huấn, viết bài tuyên truyền trên Báo Nam Định, Trang thông tin điện tử của Sở và Chuyên mục KH&CN trên Đài phát thanh và truyền hình.

THỨ TRƯỞNG BỘ KH&CN NGUYỄN HOÀNG GIANG THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI SỞ KH&CN NAM ĐỊNH



Thứ trưởng Bộ KH&CN Nguyễn Hoàng Giang làm việc tại Sở KH&CN Nam Định

Ngày 06/3/2024, trong khuôn khổ chuyến công tác tại tỉnh Nam Định, Thứ trưởng Bộ KH&CN Nguyễn Hoàng Giang đã có buổi làm việc với Sở KH&CN Nam Định về các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) trên địa bàn tỉnh.

Tại buổi làm việc, Đồng chí Đỗ Hải Điền, Giám đốc Sở KH&CN Nam Định đã báo cáo tóm tắt tình hình và một số kết quả hoạt động KH&CN nổi bật trong năm 2023,

định hướng nhiệm vụ năm 2024 và đề xuất, kiến nghị Bộ KH&CN một số nội dung quan trọng nhằm đẩy mạnh hiệu lực, hiệu quả công tác KH,CN&ĐMST tỉnh Nam Định.

Phát biểu tại buổi làm việc, Đồng chí Nguyễn Hoàng Giang – Thứ trưởng bộ KH&CN đánh giá cao những kết quả mà Sở KH&CN Nam Định đạt được trong thời gian qua. Đặc biệt là những hoạt động trong chuỗi sự kiện Techfest vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023; phối hợp tổ chức thành

công Cuộc thi Robocon 2023 được tổ chức tại Nam Định. Đây là chuỗi sự kiện lớn mà sở KH&CN Nam Định là một trong số ít sở trên cả nước triển khai được. Bên cạnh đó sở KH&CN Nam Định cũng đã chủ động báo cáo UBND tỉnh ban hành cơ chế chính sách mới; các nhiệm vụ KH&CN được triển khai đúng tiến độ. Ngoài ra, sở KH&CN Nam Định đã có những hoạt động ký kết và hợp tác quốc tế như: ký biên bản ghi nhớ với Liên minh Ảnh hưởng Đông Nam Á (SIA); làm việc với Quỹ đầu tư VSV (Vietnam Silicon Valley Capital - VSVC),..

Thứ trưởng Bộ KH&CN khẳng định, Sở KH&CN Nam Định đã bám sát chức năng, nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ chính trị do Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Bộ KH&CN giao. Để

đạt được những kết quả đó, một trong những yếu tố quan trọng là Sở KH&CN đã xây dựng được tập thể đoàn kết, nhất trí, đồng lòng cùng hướng đến sự phát triển của Sở nói riêng và của ngành KH&CN nói chung. Đồng thời, Sở đã phối hợp tốt với các sở, ngành, viện, trường, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động KH&CN trong thời gian qua.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Giang đề nghị Sở KH&CN Nam Định cần tiếp tục quan tâm, thực hiện một số nhiệm vụ trong thời gian tới như: tích cực tham gia, đề xuất những ý tưởng, nhiệm vụ KH, CN & ĐMST trọng tâm mang tính liên vùng, liên ngành; phát huy vai trò, lợi thế của Nam Định trong phát triển



Quang cảnh hội nghị

TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

vùng; tăng cường hợp tác với các viện trường, doanh nghiệp và hợp tác quốc tế về KH&CN; tăng số lượng các doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh... Thứ trưởng cũng ghi nhận các kiến nghị và đề xuất của Sở và khẳng định sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho Sở trên cơ sở đúng với các quy định hiện hành.

Phát biểu tại buổi làm việc, đồng chí Trần Lê Đoàn – TUV, Phó chủ tịch UBND tỉnh cảm ơn sự quan tâm của Bộ KH&CN đối với ngành KH&CN Nam Định. Đồng chí cũng đánh giá cao những kết quả đạt được của sở KH&CN trong thời gian qua. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trong thời gian tới, đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, sở KH&CN tiếp tục nghiên cứu lựa chọn thực hiện lĩnh vực trọng tâm của sở trong phát triển kinh tế -

xã hội của tỉnh, phối hợp với bộ KH&CN để triển khai các nhiệm vụ mới. Đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh cũng mong muốn bộ KH&CN tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho ngành KH&CN Nam Định. Về phía tỉnh Nam Định cũng sẵn sàng hỗ trợ ngành KH&CN trong triển khai nhiệm vụ, bao gồm cả đối ứng.

Phát biểu tiếp thu những ý kiến chỉ đạo, đóng góp của Lãnh đạo bộ KH&CN, lãnh đạo tỉnh Nam Định, đồng chí Đỗ Hải Điền – Giám đốc sở KH&CN cảm ơn sự quan tâm của Bộ KH&CN, tỉnh Nam Định. Thời gian tới, sở KH&CN sẽ rà soát các nhiệm vụ và chủ động phối hợp với Bộ KH&CN, các vụ, các viện thuộc bộ KH&CN để xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ hiệu quả.

THANH HẢI



TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KH&CN CẤP HUYỆN NĂM 2023, PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2024



Đồng chí Đỗ Hải Điền – Giám đốc sở KH&CN trao tặng bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác khoa học công nghệ năm 2023

Ngày 24/1/2024, Sở KH&CN Nam Định tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện năm 2023 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2024. Đồng chí Đỗ Hải Điền – Giám đốc sở KH&CN dự và chủ trì hội nghị.

Dự hội nghị còn có các lãnh đạo sở KH&CN;

đại diện lãnh đạo UBND các huyện/ thành phố; Lãnh đạo phòng kinh tế/hạ tầng, cán bộ phụ trách KH&CN UBND các huyện/thành phố.

Trong năm 2023, các huyện/thành phố cơ bản đã xây dựng và triển khai thực hiện, bám sát các nội dung công việc theo kế hoạch. Nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN được phân bổ cho

các huyện là hơn 3 tỷ đồng. Hầu hết các huyện/thành phố tập trung sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN vào các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật; các hoạt động xét và công nhận sáng kiến, hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình công nghệ mới vào sản xuất và đời sống.

Công tác phối hợp giữa huyện với sở KH&CN trong việc xây dựng, triển khai kế hoạch năm 2023 chặt chẽ và xuyên suốt. Phòng Kinh tế và hạ tầng tiếp tục phát huy vai trò là cầu nối để hướng dẫn các doanh nghiệp, người dân tại địa phương về các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, hoạt động lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến; xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP tại địa phương. Một số địa phương đã tích cực đề xuất và tham gia nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp quốc gia thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa giai đoạn 2021-2030; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình nông thôn miền núi...

Tại hội nghị, các đại biểu cũng đã tham gia góp ý về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ trong thời gian qua như: việc chọn đề tài nghiên cứu cần bám sát nhu cầu thực tế của địa phương, quan tâm phát triển nông nghiệp công nghệ cao, mở rộng đề tài nghiên cứu trên



Đồng chí Đỗ Hải Điền - Giám đốc sở KH&CN phát biểu tại Hội nghị

nhiều lĩnh vực như: công nghệ thông tin, môi trường, cải cách hành chính...

Phát biểu kết luận hội nghị, Đồng chí Đỗ Hải Điền – Giám đốc sở KH&CN ghi nhận và đánh giá cao kết quả thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ của các địa phương thời gian qua. Để hoạt động KH&CN cấp huyện ngày càng hiệu quả, Đồng chí Giám đốc sở KH&CN đề nghị UBND các huyện/thành phố cần tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm như: Xây dựng và áp dụng hiệu quả Quy chế phối hợp trong hoạt động KH&CN cấp huyện giữa UBND huyện/thành phố và sở KH&CN; Phòng Kinh tế-hạ tầng cần chủ động tham mưu cho UBND huyện triển khai các hoạt động KHCN cấp huyện, chủ động lựa chọn xây dựng mô hình

ứng dụng, đồng thời duy trì và nhân rộng các mô hình ứng dụng có hiệu quả. Giúp người dân tiếp cận KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với thực tiễn địa phương. Các phòng/ đơn vị thuộc sở: tư vấn, hướng dẫn UBND các huyện/thành phố đề xuất các nhiệm vụ KH&CN gắn với mục tiêu phát triển kinh tế của từng địa phương. Tập trung hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, bảo hộ tài sản trí tuệ, ...Gắn kết chặt chẽ với các địa phương trong triển khai kế hoạch xây dựng các mô hình ứng dụng của đơn vị; quan tâm hơn đến công tác kiểm định các phương tiện đo tại một số địa phương./.

THANH HẢI



THÔNG TƯ 01/2021/TT-BKHHCN CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HƯỚNG DẪN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

Ngày 01/3/2021 Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư 01/2021/TT-BKHHCN hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Theo đó, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy

ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Cụ thể:

- Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu,

PHỔ BIẾN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở theo quy định của pháp luật.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là tổ chức trực thuộc Sở, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (có tên gọi là Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hoặc tên gọi khác, sau đây gọi tắt là Trung tâm Ứng dụng) là đơn vị sự nghiệp công lập

trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, có chức năng nghiên cứu ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng thông tin và thống kê khoa học và công nghệ (có tên gọi là Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ hoặc tên gọi khác, sau đây gọi tắt là Trung tâm Thông tin) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, có chức năng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công tác quản lý nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện các hoạt động sự nghiệp và dịch vụ về tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, mã số, mã vạch (có tên gọi là Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc tên gọi khác, sau đây gọi tắt là Trung tâm Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục, giúp Chi cục trưởng thực hiện các hoạt động sự nghiệp và dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, mã số, mã vạch phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật./.

Thông tư có hiệu lực từ 15/4/2021./.

Thanh Hải (Tổng hợp)

THÔNG TƯ 01/2024/TT-BKHCHN QUY ĐỊNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 01/2024/TT-BKHCHN quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Theo đó, Thông tư số 01/2024/TT-BKHCHN, hàng hóa lưu thông trên thị trường là hàng hóa được vận chuyển, trưng bày, khuyến mại, tiếp thị và lưu giữ trong quá trình mua bán hàng hóa (bao gồm cả hàng hóa trong hoạt động thương mại điện tử), trừ hàng hóa đang được vận chuyển từ cửa khẩu về kho lưu giữ hàng hóa của người nhập khẩu hoặc đang lưu giữ tại kho lưu giữ hàng hóa của người nhập khẩu, chờ kiểm tra thông quan.

Thông tư số 01/2024/TT-BKHCHN nêu rõ việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường sẽ được

thông qua bằng 2 hình thức, gồm: Kiểm tra theo kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Kiểm tra đột xuất chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Cụ thể, về kiểm tra theo kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Hàng năm, cơ quan kiểm tra căn cứ yêu cầu quản lý, diễn biến tình hình chất lượng sản phẩm hàng hóa, đánh giá tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kết quả kiểm tra kỳ trước; tình hình kinh phí và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên để xây dựng kế hoạch kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Đối với những cơ sở đã được phê duyệt trong kế hoạch hàng năm, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý, trường hợp cơ quan kiểm tra không kiểm tra tại cơ sở thì gửi công văn đến cơ sở được

PHỔ BIẾN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

kiểm tra yêu cầu báo cáo việc chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến sản phẩm hàng hóa do cơ sở đang kinh doanh. Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa thông qua các báo cáo của cơ sở được kiểm tra thì cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra đột xuất theo quy định tại Thông tư 01/2024/TT-BKHCN.

Về kiểm tra đột xuất chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường: Căn cứ kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN.

Bên cạnh đó, Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN nêu rõ việc kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường gồm những nội dung sau:

Thứ nhất, kiểm tra thông tin hàng hóa, bao gồm: Kiểm tra nhãn hàng hóa và tài liệu kèm theo mà quy định buộc phải có; kiểm tra tiêu chuẩn công bố áp dụng, dấu hợp chuẩn,

dấu hợp quy theo quy định; kiểm tra mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo quy định.

Thứ hai, kiểm tra chất lượng hàng hóa, bao gồm: Kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa so với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, nhãn hàng hóa và tài liệu kèm theo; kiểm tra các nội dung khác liên quan đến chất lượng hàng hoá.

Nếu trong quá trình kiểm tra, trường hợp hàng hóa có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng thì Trưởng đoàn kiểm tra quyết định lấy mẫu theo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN.

Đối với hàng hóa kinh doanh trong hoạt động thương mại điện tử, ngoài kiểm tra theo quy định, Đoàn kiểm tra tiến hành so sánh tính thống nhất của các thông tin trên các trang thông tin điện tử với thực tế của hàng hóa được kiểm tra.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 3 năm 2024./.

Thanh Hải (Tổng hợp)

